

I. PHẦN LÝ THUYẾT

BÀI 9: QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRƯỚC PHÁP LUẬT

1. Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật

a. Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ

Mọi công dân không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội, độ tuổi,... nếu có đủ các điều kiện theo quy định của Hiến pháp, pháp luật thì đều được hưởng các quyền và phải thực hiện các nghĩa vụ pháp lí mà Hiến pháp, pháp luật đã quy định.

b. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí

Mọi công dân không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội,... nếu có hành vi vi phạm pháp luật thì đều bị xử lí theo quy định của pháp luật.

2. Tìm hiểu ý nghĩa quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật đối với đời sống con người và xã hội

- Việc quy định quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật là tôn trọng sự khác biệt giữa các công dân, không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội.

- Tạo điều kiện để mỗi người, những người yếu thế có điều kiện phát triển, vươn lên, làm cho xã hội đoàn kết dân chủ công bằng, mọi người đều có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

BÀI 10: BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CÁC LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

1. Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực

a. Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

Trong lĩnh vực chính trị:

- Nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lí nhà nước, tham gia hoạt động xã hội.
- Tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của các tổ chức khác.

b. Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế

Trong lĩnh vực kinh tế:

Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lí doanh nghiệp, tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường.....

c. Bình đẳng trong lĩnh vực lao động

Trong lĩnh vực lao động:

- Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác....

d. Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo: - Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng,

- Tự do lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo;
- Trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo,...

e. Bình đẳng giới trong gia đình

Trong gia đình:

- Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình;
- Con trai, con gái được gia đình chăm sóc, giáo dục và tạo điều kiện như nhau để học tập, lao động, vui chơi, giải trí và phát triển;
- Các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình;...

2. Tìm hiểu ý nghĩa của bình đẳng giới đối với đời sống của con người và xã hội

- Bảo đảm cho nam, nữ có cơ hội cùng có tiếng nói chung, cùng tham gia và có vị trí, vai trò ngang nhau trong việc quyết định các vấn đề chung của đất nước, địa phương, cơ quan, tổ chức cũng như mỗi gia đình.
- Mang lại những thay đổi tích cực trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo dục, chăm sóc sức khỏe và các lĩnh vực khác của xã hội.

BÀI 11: QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC

1. Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc

a. Bình đẳng về chính trị

Các dân tộc đều có quyền, có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc, tham gia vào việc tổ chức và hoạt động của Nhà nước, tham gia xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

b. Bình đẳng về kinh tế

- Các dân tộc được Đảng, Nhà nước bảo đảm và tạo mọi điều kiện để có cơ hội phát triển về kinh tế:

- + Ban hành đường lối, chính sách phát triển kinh tế – xã hội đặc thù.
- + Quan tâm đầu tư, tạo các điều kiện phát triển tốt nhất cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là ở những vùng sâu, vùng xa.

c. Bình đẳng về văn hóa, giáo dục

- Các dân tộc được Đảng, Nhà nước tạo mọi điều kiện để mỗi dân tộc gìn giữ, phát huy và phát triển bản sắc văn hoá của dân tộc mình.
- Có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình. Những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của từng dân tộc được giữ gìn, khôi phục, phát huy.
- Bình đẳng cơ hội học tập, trong tiếp cận, thụ hưởng các giá trị văn hoá, giáo dục, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau trong phát triển giáo dục.

2. Tìm hiểu ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc đối với đời sống con người và xã hội

- Là cơ sở của đoàn kết giữa các dân tộc và đại đoàn kết toàn dân tộc.
- Tạo điều kiện để mỗi dân tộc đều có cơ hội phát triển, phát huy được những điểm tích cực, những yếu tố đạo đức, văn hoá tốt đẹp của dân tộc mình.
- Nâng cao ý thức, trách nhiệm đối với quê hương đất nước.
- Cùng cố và tăng cường khối đại đoàn kết giữa các dân tộc.
- Động viên, phát huy các nguồn lực của các dân tộc khác nhau cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.
- Là thực tiễn sinh động để đấu tranh chống lại các hành vi xuyên tạc chính sách dân tộc của các thế lực thù địch không có thiện chí với đất nước ta.

BÀI 12: QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC TÔN GIÁO

1. Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo

a. Bình đẳng về quyền

Các tôn giáo, tổ chức tôn giáo có quyền bình đẳng trong hoạt động tôn giáo, tổ chức sinh hoạt tôn giáo,... Những nơi thờ tự của các tôn giáo được pháp luật bảo hộ.

b. Bình đẳng về nghĩa vụ

Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tôn giáo của các tôn giáo khác nhau phải tuân thủ hiến chương, điều lệ, các quy định tôn giáo của tổ chức mình và phải bình đẳng trong việc tuân thủ các quy định của Hiến pháp, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và các quy định pháp luật khác có liên quan.

c. Bình đẳng về văn hóa, giáo dục

Các tổ chức tôn giáo, cũng như người theo các tôn giáo khác nhau dù ở bất kì cương vị nào nếu vi phạm pháp luật cũng đều bị xử lý theo pháp luật.

2. Tìm hiểu ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các tôn giáo đối với đời sống con người và xã hội

- Tạo điều kiện để các tôn giáo, tín đồ tôn giáo nêu cao ý thức, trách nhiệm của mình đối với việc củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết giữa các tôn giáo, làm tròn trách nhiệm với Tổ quốc, sống "tốt đời, đẹp đạo".

- Động viên, phát huy nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

- Là điều kiện để mỗi tôn giáo phát huy được những điểm tích cực, những yếu tố đạo đức, văn hoá tốt đẹp, hướng con người tới chân – thiện – mỹ.

BÀI 13: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG THAM GIA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ XÃ HỘI

1. Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội

a. Quyền của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội

Công dân có các quyền trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội như: quyền bình đẳng; quyền bầu cử đại biểu, ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân; quyền khiếu nại, tố cáo những việc làm vi phạm pháp luật;.... Các quyền này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

b. Nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội

Công dân có nghĩa vụ trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội như: tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tôn trọng quyền và lợi ích của người khác; tôn trọng lợi ích của dân tộc; trung thành với Tổ quốc, bảo vệ Tổ quốc; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng;...

2. Tìm hiểu hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội

- *Đối với xã hội*: ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước; xâm phạm trật tự quản lý hành chính;...

- *Đối với cá nhân*: cản trở công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý, vi phạm quyền tự do dân chủ của công dân; gây tổn thất về sức khỏe, tinh thần, danh dự, uy tín, tài chính, công việc;..

- Người vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

BÀI 14. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ BẦU CỬ VÀ ỨNG CỬ

1. Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử

a. Quyền của công dân về bầu cử

Công dân từ đủ 18 tuổi trở lên có các quyền: bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; bình đẳng về bầu cử; tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về bầu cử; khiếu nại, khởi kiện những hành vi sai sót về bầu cử gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân;...

b. Quyền của công dân về ứng cử

Công dân Việt Nam từ đủ 21 tuổi trở lên đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân; có các quyền bình đẳng giới về ứng cử tự do ngôn luận, báo chí, tiếp cận thông tin về ứng cử theo quy định của pháp luật tố cáo về người ứng cử; khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử; giám sát việc thực hiện pháp luật về bầu cử;...

c. Nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử

Công dân có các nghĩa vụ về bầu cử, ứng cử:

- Tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật về bầu cử và ứng cử;
- Tôn trọng quyền của người khác về bầu cử và ứng cử;
- Không lợi dụng quyền bầu cử, ứng cử để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác;...

2. Tìm hiểu hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử

- *Đối với xã hội*: ảnh hưởng đến tính tôn nghiêm của pháp luật và trật tự quản lý nhà nước; gây mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; hoãn ngày bầu cử; làm sai lệch kết quả bầu cử; gây lãng phí ngân sách nhà nước;...
- *Đối với cá nhân*: xâm phạm quyền bầu cử, ứng cử của công dân, cá biệt làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, uy tín, kinh tế, công việc của công dân;...
- Người thực hiện hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỉ luật, xử lý hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự;...

BÀI 15. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo

a. Quyền của công dân về khiếu nại

- Tự mình khiếu nại, nhờ luật sư tư vấn về pháp luật hoặc uỷ quyền cho luật sư khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
- Tham gia đối thoại hoặc uỷ quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia đối thoại; được biết, đọc, sao chụp, sao chép tài liệu, chứng cứ do người giải quyết khiếu nại thu thập để giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước;
- Đưa ra chứng cứ về việc khiếu nại và giải trình ý kiến của mình về chứng cứ đó nhận văn bản trả lời về việc thụ lý giải quyết khiếu nại, nhận quyết định giải quyết khiếu nại;...

b. Quyền của công dân về tố cáo

- Thực hiện quyền tố cáo theo quy định của pháp luật;
- Được bảo đảm bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích và thông tin cá nhân khác;
- Được thông báo về việc thụ lý hoặc không thụ lý tố cáo;...

- Tố cáo tiếp khi có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không đúng pháp luật hoặc quá thời hạn quy định mà tố cáo chưa được giải quyết;
- Rút tố cáo;

c. Nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo

- Trình bày trung thực nội dung khiếu nại, tố cáo;
- Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khiếu nại, tố cáo;
- Tuân theo các quy định của Hiến pháp và pháp luật;
- Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người khác;
- Không lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vi phạm pháp luật, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể khác...

2. Tìm hiểu hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo.

- *Đối với xã hội*: ảnh hưởng đến tính tôn nghiêm của pháp luật và trật tự quản lý nhà nước; gây mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; hoãn ngày bầu cử; làm sai lệch kết quả bầu cử; gây lãng phí ngân sách nhà nước;...
- *Đối với cá nhân*: xâm phạm quyền bầu cử, ứng cử của công dân, cá biệt làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, uy tín, kinh tế, công việc của công dân;...

BÀI 16: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc

a. Quyền của công dân về bảo vệ Tổ quốc

Bảo vệ Tổ quốc là quyền cao quý của mỗi công dân. Công dân có quyền tham gia lực lượng bảo vệ an ninh quốc gia và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật, có quyền tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ Tổ quốc; có quyền bình đẳng về bảo vệ Tổ quốc; có quyền kiến nghị với chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia khắc phục sơ hở, thiếu sót trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia;...

b. Nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc

Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi công dân Việt Nam. Công dân có nghĩa vụ tuân theo các quy định của Hiến pháp và pháp luật về bảo vệ Tổ quốc, thực hiện nghĩa vụ quân sự; tham gia dân quân tự vệ, xây dựng nền quốc phòng toàn dân; giúp đỡ, tạo điều kiện cho cơ quan và người có trách nhiệm tiến hành các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; vận động, tuyên truyền người thân tuân theo các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc;...

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc

Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc gây nên nhiều hậu quả tiêu cực. *Đối với xã hội*: gây mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết toàn dân tộc; gây khủng hoảng chính trị; cản trở sự phát triển của đất nước;... *Đối với cá nhân*: xâm phạm quyền bình đẳng, quyền tự do, dân chủ của công dân; gây tổn thất về sức khỏe, tính mạng, tiền bạc của công dân;...

Người thực hiện hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỉ luật, xử lý hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự và phải bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

BÀI 17: QUYỀN BẤT KHẢ XÂM PHẠM VỀ THÂN THỂ VÀ QUYỀN ĐƯỢC PHÁP LUẬT BẢO HỘ VỀ TÍNH MẠNG, SỨC KHOẺ, DANH DỰ VÀ NHÂN PHẨM CỦA CÔNG DÂN

1. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân

a. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân

Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Pháp luật Việt Nam đảm bảo sự tự do và an toàn về thân thể cho mỗi công dân, nghiêm cấm các hành vi tự ý xâm phạm đến thân thể của người khác dưới mọi hình thức.

b. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân

Hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân gây tổn hại về sức khỏe, tính mạng, tinh thần, uy tín, danh dự, kinh tế,... đối với người bị xâm phạm tự do cá nhân; gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; làm sụt giảm uy tín của cán bộ, cơ quan nhà nước,... Người thực hiện hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà xử lý kỉ luật, xử phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bồi thường thiệt hại (nếu có).

2. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân

a. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân

Công dân được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm. Các hành vi xâm phạm trái phép tới tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân bị nghiêm cấm và xử lý theo quy định của pháp luật.

b. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân

Hành vi vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân gây nên những hậu quả tiêu cực như: gây tổn hại về sức khỏe (thương tích, tàn tật, sảy thai,...), tính mạng, tâm lí (lo lắng, sợ hãi, rối loạn tâm thần,...), kinh tế, học tập, công việc, danh dự, uy tín của công dân; gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; ảnh hưởng đạo đức lối sống; gây tổn hại đến uy tín của cơ quan nhà nước; ảnh hưởng xấu đến tính tôn nghiêm của pháp luật,...

3. Trách nhiệm của HS trong việc thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân

HS cần tích cực, chủ động tìm hiểu các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân; có ý thức tôn trọng thân thể, tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của mình và của người khác; tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật về quyền bất khả xâm phạm thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân; đấu tranh, phê phán, tố cáo những hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng,

sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân; tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật về quyền bất khả xâm phạm thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân đến những người xung quanh.

BÀI 18: QUYỀN BẤT KHẢ XÂM PHẠM VỀ CHỖ Ở CỦA CÔNG DÂN

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân

Chỗ ở là nhà ở, phương tiện hoặc nhà khác mà công dân sử dụng để cư trú. Chỗ ở thuộc quyền sở hữu của công dân hoặc được cơ quan, tổ chức, cá nhân cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ theo quy định của pháp luật.

Công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Pháp luật Việt Nam nghiêm cấm mọi hành vi tự ý xâm phạm trái phép chỗ ở của công dân. Các cơ quan chức năng chỉ được khám xét chỗ ở của công dân trong trường hợp được pháp luật cho phép và phải có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi khám xét phải tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân

Hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân gây nên nhiều hậu quả tiêu cực. Đối với xã hội: gây mất ổn định an ninh, trật tự, an toàn xã hội; xâm phạm trật tự quản lý hành chính nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của cơ quan nhà nước;... Đối với cá nhân: khiến công dân mất chỗ ở, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của công dân và gia đình; gây thiệt hại về tinh thần, sức khỏe, tính mạng, kinh tế, danh dự của công dân,...

Người vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính, xử lý hình sự và phải bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của HS trong việc thực hiện quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân

HS không được tự ý vào chỗ ở của người khác khi chưa được sự đồng ý; cần tích cực học tập, tìm hiểu các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm chỗ ở của công dân; có ý thức tôn trọng chỗ ở của người khác; tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân; đấu tranh, phê phán, tố cáo các hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân; tham gia tuyên truyền, vận động, phổ biến các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở đến mọi người xung quanh,...

BÀI 19: QUYỀN ĐƯỢC BẢO ĐẢM AN TOÀN VÀ BÍ MẬT THƯ TÍN, ĐIỆN THOẠI, ĐIỆN TÍN CỦA CÔNG DÂN

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân

Công dân có quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín. Mọi hành vi tự ý xâm phạm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân đều bị nghiêm cấm. Việc kiểm soát thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân chỉ được thực hiện trong trường hợp pháp luật có quy định và phải có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, được thực hiện theo trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định.

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân

Hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân gây nên những hậu quả tiêu cực như: xâm phạm đời sống riêng tư an toàn và bí mật cá nhân của công dân; gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng, tâm lý, danh dự, nhân phẩm, tiền bạc, học tập, công việc của công dân; gây ảnh hưởng xấu đến tính tôn nghiêm của pháp luật và trật tự quản lý hành chính;...

Người thực hiện hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỉ luật, xử lý hành chính, xử lý hình sự và phải bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của HS trong việc thực hiện quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân

HS cần tích cực học tập, tìm hiểu các quy định của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân; tôn

trọng quyền của người khác; tôn trọng an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của người khác; phê phán, ngăn chặn, tố cáo những hành vi xâm phạm bí mật thư tín, điện thoại, điện tín; tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền, phổ biến nâng cao kiến thức về pháp luật trong cộng đồng và làm gương trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.

II. BÀI TẬP MINH HỌA

A. PHẢN TRÁC NGHIỆM

BÀI 9

Câu 1. Đâu được coi là sự bình đẳng về pháp lí, trách nhiệm của công dân?

- A. Các công dân đều có quyền được đến trường
- B. Các công dân đều được phép theo tín ngưỡng tôn giáo riêng của mình
- C. Nếu công dân có các hành vi vi phạm pháp luật thì đều bị xử lý theo quy định của pháp luật
- D. Mọi công dân đều không bị đối xử phân biệt về địa vị xã hội

Câu 2. Bình đẳng trong quan hệ thân nhân giữa vợ và chồng được thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

- A. Vợ chồng có quyền cùng nhau quyết định về kinh tế trong gia đình.
- B. Vợ chồng tôn trọng và giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau.
- C. Người vợ có quyền quyết định về việc nuôi dạy con.
- D. Người vợ cần làm công việc của gia đình nhiều hơn chồng để tạo điều kiện cho chồng phát triển.

Câu 3. Vì sao cần quy định quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật?

- A. Để chứng minh cho các nước bạn thấy rằng thể chế chính trị của nước ta tốt, đáng để học tập.
- B. Thể hiện sự phân biệt đối với những thành phần không cùng đẳng cấp chung.
- C. Thể hiện sự tôn trọng sự khác biệt giữa các công dân trước pháp luật, không ai bị đối xử phân biệt, ai cũng có điều kiện như nhau để phát triển, vươn lên.
- D. Để chứng minh cho các quốc gia khác thấy rằng công dân của nước ta được đối xử rất tốt, được sống trong điều kiện ấm no, tự do sống và tự phát triển.

Câu 4. Anh A là công an, một hôm trời mưa tầm nhìn bị hạn chế, anh A đi xe máy va vào chị B làm chị bị thương ở chân, anh A không hỏi thăm chị B vì cho rằng đó chỉ là điều không may. Chị B muốn đem chuyện trình báo lên cơ quan chức năng thì bị anh A nói

rằng mình là công an thì mọi quyền hạn sẽ luôn đứng về phía mình. Theo em, việc làm của anh A đã đúng chưa?

- A. Việc làm của anh B có tính đúng có tính sai
- B. Việc làm của anh B là sai vì anh đã vi phạm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật
- C. Việc làm của anh B là đúng
- D. Thực tế lời anh B nói là đúng.

Câu 5. Trên đường đi học về em phát hiện ra một nhóm người đang thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật, em nên làm gì khi ở trong tình huống này?

- A. Bỏ qua tình huống đó, không quan tâm
- B. Tìm cách báo cho các cơ quan chức năng ở địa phương, để họ có cách giải quyết
- C. Hét to để đánh lạc hướng của nhóm người
- D. Không làm gì cả.

BÀI 10

Câu 1. Sự bình đẳng giới được thể hiện như thế nào trong chính trị?

- A. Nam được quyền ưu tiên hơn trong việc tham gia vào quản lý nhà nước
- B. Nữ được quyền ưu tiên hơn trong việc tham gia vào quản lý nhà nước
- C. Nam và nữ được tự do ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội
- D. Chỉ có nam giới mới được tham gia vào các cơ quan lãnh đạo cấp cao của nhà nước

Câu 2. Sự bình đẳng giới được thể hiện như thế nào trong lĩnh vực lao động?

- A. Nam giới được ưu tiên tuyển dụng vào các vị trí có triển vọng hơn là nữ
- B. Nữ giới chỉ được tham gia vào thị trường lao động khi chưa lập gia đình
- C. Cả nam và nữ đều được nhận mức lương như nhau tương đương về trình độ, kỹ năng
- D. Nam giới phải làm trong điều kiện làm việc khắc nghiệt hơn nữ giới

Câu 3. Biện pháp được nêu trong thông tin dưới đây nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực nào “quy định tỉ lệ nam, nữ tham gia học tập, đào tạo”?

- A. Trong lĩnh vực lao động
- B. Trong lĩnh vực giáo dục đào tạo
- C. Trong lĩnh vực chính trị
- D. Trong lĩnh vực kinh tế

Câu 4. Đạo gần đây xuất hiện các trường hợp công ty hủy bỏ hợp đồng lao động đối với nhân viên nữ đang trong thời gian thai sản. Theo em, việc làm này có đúng hay không?

- A. Các công ty đó hành xử rất đúng vì trong thời gian nghỉ sinh còn bận chăm con, nên các nhân viên đó không cống hiến được cho công ty
- B. Các công ty đó hành xử không đúng và đang vi phạm đến các điều khoản trong hợp đồng đối với nhân viên, đồng thời còn thể hiện sự không tôn trọng đối với các chị em nữ giới
- C. Hành động của công ty cho thấy công ty tôn trọng quyết định làm việc của nhân viên
- D. Hành động của công ty làm mất đi một lượng nhân viên lớn

Câu 5. Việc phân biệt giới tính trong các lĩnh vực được thể hiện qua việc làm nào sau đây?

- A. Không cho con gái được đăng kí tham gia nghĩa vụ quân sự.
- B. Mọi người đều được phép làm ngành nghề mà mình yêu thích.
- C. Không ai có quyền được ép người nào phải làm nghề nào.

D. Chị N được gia đình ủng hộ khi chị quyết định ứng cử vào đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

BÀI 11

Câu 1. Em hãy cho biết khái niệm của văn hóa tiêu dùng?

- A. Là một bộ phận quan trọng của nền văn hóa dân tộc, nó thể hiện các giá trị văn hóa của con người Việt Nam trong tiêu dùng cá nhân và trong tiêu dùng sản xuất
- B. Là thói quen tiêu dùng của một bộ phận người dân
- C. Là thói quen tiêu dùng của số ít người dân trên toàn quốc
- D. Là các cách thức mà người tiêu dùng chọn lựa các đồ dùng cho bản thân

Câu 2. Người Việt Nam thường có thói quen mua sắm nhộn nhịp vào các dịp nào trong năm?

- A. Khi cả nhà tụ họp đông vui
- B. Vào các dịp cuối tuần
- C. Vào các dịp lễ tết dài ngày
- D. Các ngày hội giảm giá

Câu 3. Xu hướng tiêu dùng xanh là gì?

- A. Là chỉ mua bán các sản phẩm biến đổi gen
- B. Là việc mua và sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, không gây hại cho sức khỏe con người và không đe dọa đến hệ sinh thái tự nhiên
- C. Là hành vi mua sắm có tiết chế, không mua hàng hóa vô độ, thừa thãi các đồ dùng
- D. Là các hành vi mua và bán các sản phẩm có bao bì màu xanh, thân thiện với môi trường

Câu 4. Văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam có đặc điểm gì?

- A. Có tính bền vững
- B. Có tính dịch chuyển
- C. Có tính di động cao
- D. Có tính thay đổi

Câu 5. Trong dịp lễ tết, mọi người đều có nhu cầu mua sắm rất nhiều, nhà bán hàng kim khí, bà B nghĩ rằng nếu mua nhập thật nhiều hàng về thì có thể thu được lợi nhuận cao. Nhưng đã gần đến ngày 30 mà hàng nhà bà vẫn còn tồn ứ rất nhiều. Theo em, lí do nào khiến hàng nhà bà B vẫn còn tồn lại trong khi sức mua của khách hàng trong dịp tết lại tăng?

- A. Người dân mua sắm nhiều vật dụng cho ngày tết còn mặt hàng nhà bà B không đáp ứng được với nhu cầu của khách hàng
- B. Vì hàng nhà bà B kém chất lượng
- C. Việc các hộ chăn nuôi tái đàn là không cần thiết vì nếu tái đàn số tiền bỏ ra mua con giống sẽ rất đắt đỏ
- D. Việc tái đàn ở thời điểm giá lợn đang tăng cao sẽ mang đến nhiều nguồn thu nhập cho người dân

BÀI 12

Câu 1. Việc làm nào dưới đây đúng trách nhiệm của công dân có tín ngưỡng, tôn giáo?

- A. Tuyên truyền gia nhập đạo trong trường học
- B. Tổ chức các lớp giáo lí cho người theo đạo
- C. Cưỡng ép con cái đã thành niên theo tôn giáo mà mình đang theo
- D. Khuyến nhủ người khác đi theo tôn giáo mà mình đang theo

Câu 2. Việc làm nào dưới đây không đúng với trách nhiệm của công dân có tín ngưỡng, tôn giáo?

- A. Tổ chức các hoạt động từ thiện tại địa phương
- B. Tham gia đầy đủ các hoạt động lễ hội của tôn giáo mình
- C. Vận động đồng bào có đạo tham gia giữ gìn an ninh trật tự ở khu dân cư
- D. Lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để kích động chiến tranh

Câu 3. Nơi thờ tự, tu hành, nơi đào tạo người chuyên hoạt động tôn giáo, trụ sở của tôn giáo và các cơ sở khác của tôn giáo được nhà nước công nhận gọi là?

- A. Cơ sở tôn giáo
- B. Tổ chức tín ngưỡng
- C. Hoạt động tôn giáo
- D. Hoạt động tín ngưỡng

Câu 4. Các hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm bởi pháp luật của nước ta?

- A. Tôn trọng các tín ngưỡng tôn giáo của mọi người
- B. Thể hiện các việc làm tốt đời đẹp đạo
- C. Ép buộc, mua chuộc hoặc cản trở người khác không theo hoặc tin tưởng theo tín ngưỡng tôn giáo của mình
- D. Thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của công dân kể cả khi theo một tôn giáo nhất định

Câu 5. Bà A theo một tôn giáo khác khi có lần được bà B dẫn đi đến một buổi sinh hoạt chung của tôn giáo khác, bà A tỏ thái độ không thích thú với những gì mà mình được nghe giảng, theo em hành vi của bà A có thể hiện được sự tôn trọng văn hóa hay không?

- A. Việc làm của bà A không thể hiện được sự tôn trọng giữa các tôn giáo
- B. Việc làm của bà A thể hiện sự tôn trọng tôn giáo mà mình đang theo
- C. Hành động của bà A không được có văn hóa khi tỏ ý không thích những điều mà mình được truyền dạy
- D. Hành động của bà A là đang không tôn trọng bà B

BÀI 13

Câu 1. Em hãy cho biết khái niệm quản lý nhà nước là gì?

- A. Quản lý nhà nước là hoạt động quản lý của khu vực tư nhân
- B. Quản lý nhà nước là thực hiện phạm vi quản lý trong các cơ quan hành chính của nhà nước
- C. Quản lý nhà nước là hoạt động quản lý đặc biệt, được thực hiện bằng quyền lực của nhà nước
- D. Quản lý nhà nước là những người làm trong các lĩnh vực thuộc nhà nước quản lý mới phải thực hiện

Câu 2. “Hình thức dân chủ với những quy chế, thể chế để nhân dân thảo luận, biểu quyết tham gia trực tiếp quyết định công việc của cộng đồng Nhà nước” là hình thức gì?

- A. Hình thức dân chủ trực tiếp
- B. Hình thức dân chủ gián tiếp
- C. Hình thức dân chủ tập trung
- D. Hình thức dân chủ xã hội chủ nghĩa

Câu 3. Công dân A tham gia góp ý vào dự thảo luật khi Nhà nước trưng cầu dân ý, ta gọi công dân A đã thực hiện quyền dân chủ nào?

- A. Quyền ứng cử

- B. Quyền kiểm tra, giám sát
- C. Quyền đóng góp ý kiến
- D. Quyền tham quản lí nhà nước và xã hội

Câu 4. Vì sao Hiến pháp quy định công dân có quyền tham gia quản lí Nhà nước, quản lí xã hội?

- A. Để không ai bị đối xử phân biệt trong xã hội
- B. Để công dân bảo vệ lợi ích của riêng cá nhân mình
- C. Để công dân toàn quyền quyết định công việc của Nhà nước và xã hội
- D. Để đảm bảo cho công dân thực hiện quyền làm chủ, thực hiện trách nhiệm công dân đối với Nhà nước và xã hội

Câu 5. Lý A Pua muốn tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhưng bị chồng là A Tráng gạt đi với lý do: “ Là đàn bà con gái, lại là người dân tộc thiểu số, ai cho tham gia quản lí nhà nước . Thôi bỏ đi, làm hòa giải viên ở bản Tà Pua này là đủ rồi”. A Pua băn khoăn không biết pháp luật quy định như thế nào về quyền bình đẳng trong việc tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội?

- A. Nếu là con gái thì quyền tham gia vào quản lí xã hội sẽ bị hạn chế
- B. Người dân tộc thiểu số sẽ có ít cơ hội hơn trong việc tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội
- C. Theo quy định của pháp luật Việt Nam mọi công dân không phân biệt nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng tôn giáo đều có thể tham gia vào quản lí nhà nước, quản lí xã hội
- D. Quyền lợi về việc bầu cử đối với người đồng bào dân tộc thiểu số sẽ không có nhiều như các vùng miền khác

BÀI 14

Câu 1. Em hãy cho biết quyền bầu cử đối với công dân là quyền như thế nào?

- A. Là quyền thực hiện một nghĩa vụ quan trọng trong việc phát triển đất nước
- B. Là quyền cơ bản của công dân theo quy định của pháp luật trong việc lựa chọn người đại biểu của mình vào cơ quan quyền lực Nhà nước
- C. Là quyền được ứng cử bản thân vào các vị trí phù hợp với trình độ của mình trong cơ quan công quyền của Nhà nước
- D. Là quyền được thực hiện các công việc liên quan đến bộ máy chính trị của nhà nước

Câu 2. Cơ quan nào có thẩm quyền xem xét, quyết định trưng cầu ý dân?

- A. Chủ tịch nước
- B. Chính phủ
- C. Quốc hội
- D. Tòa án nhân dân tối cao

Câu 3. Vì sao công dân không nên để người khác thay thế mình tham gia bầu cử?

- A. Vì người khác có thể chưa đủ quyền tham gia bầu cử
- B. Vì có thể người đi bầu không truyền tải đúng nguyện vọng của cử tri
- C. Vì đây là quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi công dân, việc đi bầu cử thay có thể gây ra các sai sót trong khi thực hiện bỏ phiếu, truyền tải sai nguyện vọng của cử tri
- D. Người ốm có thể nhờ người khác đi bầu cử giúp vì việc bầu cử không cần thiết phải đi khi đang trong tình trạng ốm bệnh

Câu 4. Theo em, đối với những người không thể tự tay viết phiếu để đi bầu cử thì sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ bầu cử của mình như thế nào?

- A. Có thể nhờ ứng cử viên viết hộ và thực hiện bỏ phiếu

- B. Có thể nhờ người khác viết phiếu hộ, nhưng phải đảm bảo tuyệt đối bí mật và người cử tri phải tự mình bỏ phiếu
- C. Có thể dùng phiếu của người khác để bầu cử
- D. Nhờ một người khác viết phiếu và bỏ phiếu giúp mình

Câu 5. Chị V là người dân tộc thiểu số, chị luôn có mong ước được gửi gắm tâm nguyện của người dân tộc thiểu số đến với Quốc hội, là người đại diện của huyện mình được phát biểu lên các tâm nguyện của mọi người. Chị N tham gia ứng cử để có cơ hội trở thành Đại biểu Quốc hội. Người dân trong làng thấy chị làm như vậy thì chê cười nói rằng người dân tộc thiểu số sẽ có rất ít cơ hội được trở thành Đại biểu Quốc hội. Theo em suy nghĩ của mọi người như vậy là đúng hay sai?

- A. Suy nghĩ của mọi người là sai vì chỉ cần đáp ứng đủ các yêu cầu đã đặt ra của luật bầu cử và ứng cử công dân không phân biệt tầng lớp đều có thể tham gia ứng cử
- B. Suy nghĩ của mọi người là đúng vì ngoài kia còn rất nhiều các ứng cử viên có điều kiện tốt hơn chị V nên cơ hội của chị là rất ít
- C. Suy nghĩ của mọi người là sai vì ai cũng có thể ứng cử
- D. Suy nghĩ của mọi người là đúng vì việc ứng cử không hề đơn giản như chị V nghĩ

BÀI 15

Câu 1. Công dân có quyền khiếu nại trong trường hợp nào sau đây?

- A. Bị nhà trường kỉ luật oan
- B. Điểm bài thi của mình bị đánh giá thấp hơn trình độ
- C. Bị bạn cùng lớp đánh gây thương tích
- D. Phát hiện người khác có hành vi cướp, chiếm đoạt tài sản của Nhà nước

Câu 2. Nhà nước có các biện pháp nào để bảo vệ an toàn của người dám đứng ra khiếu nại về các vấn đề?

- A. Thông báo về vấn đề khiếu nại lên các kênh thông tin tại chúng
- B. Người khiếu nại được đảm bảo giữ bí mật về họ tên, thông tin cá nhân, bút tích khi thực hiện khiếu nại
- C. Các thông tin về người khiếu nại sẽ được công bố khi kết quả của vấn đề khiếu nại hoàn thành
- D. Pháp luật không quan tâm đến người dám thực hiện các bài tố cáo khiếu nại về các điều sai trái

Câu 3. Trong thời gian thực hiện tố cáo khiếu nại công dân phải đảm bảo điều gì trước pháp luật?

- A. Đi khỏi nơi cư trú trong thời gian xem xét về hồ sơ tố cáo khiếu nại
- B. Đảm bảo các thông tin mình đã cung cấp là chính xác
- C. Không giải trình về các lập luận mà mình đã đưa ra trước pháp luật
- D. Dùng các lí lẽ không chuẩn mực để vu khống người khác

Câu 4. Trong lần trả bài kiểm tra, em phát hiện bài kiểm tra của mình bị đánh giá sai, em nên làm gì để có thể tìm lại sự công bằng cho mình?

- A. Dù sao cũng chỉ là một bài kiểm tra thôi nên có thể bỏ qua
- B. Xin phép được gặp mặt giáo viên phụ trách bộ môn đó và ngỏ ý muốn được cô xem lại cho bài kiểm tra
- C. Nói điều này cho các bạn học sinh để các bạn có cái nhìn khác về giáo viên bộ môn đó
- D. Cùng các bạn trong lớp làm âm ỉ về chuyện này

Câu 5. Công ty M kinh doanh về các các hàng hóa mỹ phẩm, dạo gần đây cư dân xung quanh khu nhà máy bị gặp nhiều vấn đề về hô hấp, chất lượng không khí giảm rõ rệt, ngoài ra cư dân còn phát hiện ra công ty M còn nhiều lần xả thải nước chưa qua xử lý qua môi trường. Nếu là cư dân xung quanh khu công ty M em sẽ làm gì?

- A. Làm đơn tố cáo với các cơ quan chức năng
- B. Làm đơn khiếu nại với cơ quan chức năng
- C. Mặc kệ coi như không biết
- D. Nhắc nhở công ty M

BÀI 16

Câu 1. Bảo vệ Tổ quốc là

- A. trách nhiệm riêng của nhà nước.
- B. quyền cơ bản, cao quý của công dân.
- C. quyền dân chủ duy nhất của công dân.
- D. trách nhiệm riêng của lực lượng vũ trang.

Câu 2. Theo quy định của pháp luật, độ tuổi gọi nhập ngũ của công dân là

- A. từ 18 tuổi đến 24 tuổi.
- B. từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi.
- C. từ 18 tuổi đến 26 tuổi.
- D. từ đủ 18 tuổi đến hết 27 tuổi.

Câu 3. Chị V là một kĩ sư công nghệ thông tin, có chuyên môn tốt. Chị nhiều lần tham gia hỗ trợ các cơ quan nhà nước điều tra, ngăn chặn, đấu tranh với các hoạt động tội phạm công nghệ cao chống phá Nhà nước, gây rối trật tự an toàn xã hội, xâm phạm an ninh quốc gia. Tuy bận rộn nhưng chị V cảm thấy rất vinh dự, tự hào vì mình đã đóng góp được một phần công sức nhỏ vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của dân tộc.

Trong trường hợp trên, chị V đã thực hiện tốt quyền dân chủ nào của công dân?

- A. Quyền khiếu nại, tố cáo.
- B. Quyền bảo vệ Tổ quốc.
- C. Quyền bầu cử và ứng cử.
- D. Quyền tham gia quản lí nhà nước.

Câu 4. T vừa đủ 18 tuổi, do điều kiện gia đình khó khăn nên không thể tiếp tục đi học, T muốn tham gia nghĩa vụ quân sự. Là người hiểu về nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, theo em, T có thể tự nguyện tham gia nghĩa vụ quân sự khi vừa đủ 18 tuổi không? Vì sao?

- A. Có, vì công dân là nam giới từ đủ 18 tuổi trở lên có quyền tham gia nghĩa vụ quân sự.
- B. Có, vì mọi công dân là nam giới đều có thể tham gia nghĩa vụ quân sự.
- C. Không, vì phải có trình độ cao đẳng trở lên mới được đăng kí tham gia nghĩa vụ quân sự.
- D. Không, vì công dân là nam giới trên 18 tuổi trở lên mới có quyền tham gia nghĩa vụ quân sự.

Câu 5. Nhận định nào sau đây đúng về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ Tổ quốc?

- A. Bảo vệ Tổ quốc trách nhiệm riêng của lực lượng quân đội.
- B. Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ riêng của lực lượng công an.
- C. Chỉ bảo vệ Tổ quốc khi đất nước xảy ra chiến tranh.
- D. Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất.

BÀI 17

Câu 1. Theo quy định của pháp luật, bắt người trong trường hợp khẩn cấp được tiến hành khi có căn cứ cho rằng người đó đang chuẩn bị

- A. tổ chức phát tán bí mật gia truyền.
- B. thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng.
- C. tham gia tranh chấp đất đai.
- D. tung tin nói xấu người khác.

Câu 2. Bắt người trái pháp luật là xâm phạm đến quyền nào sau đây của công dân?

- A. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- B. Quyền bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân.
- C. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
- D. Quyền bắt người hợp pháp của công dân.

Câu 3. Ông N nuôi được đàn gà hàng chục con nhưng thỉnh thoảng bị mất trộm vài con. Nghi ngờ là do gia đình anh V làm, ông N đã tung tin nói xấu anh V trên facebook. Việc làm này của ông N đã vi phạm quyền nào?

- A. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể.
- B. Quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự và nhân phẩm.
- C. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng và sức khỏe.
- D. Ông N không vi phạm quyền nào.

Câu 4. Việc làm nào dưới đây là xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của người khác?

- A. Bố mẹ phê bình khi con mắc lỗi.
- B. Bắt giữ trộm lên vào nhà.
- C. Bắt người theo quy định của Tòa án.
- D. Đánh người gây thương tích vì bất đồng quan điểm.

Câu 5. Anh A đi làm về và để xe máy trước cửa nhà rồi đi vào nhà lấy ít đồ. Khi đi ra thì xe máy của anh A đã không còn nữa. Nghe hàng xóm xung quanh bảo người lấy chiếc xe máy của anh A có dáng người giống anh B, anh A liền cầm gậy sang nhà anh B để đánh anh B với mục đích là đòi lại xe. Hành vi này của anh A đã xâm phạm quyền được pháp luật bảo hộ về

- A. tính mạng, sức khỏe của anh B.
- B. nhân phẩm của anh B.
- C. danh dự của anh B.
- D. tài sản của anh B.

BÀI 18

Câu 1. Một cá nhân hoặc tổ chức tự ý vào chỗ ở của người khác, tự tiện khám xét chỗ ở của công dân là vi phạm quyền

- A. bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư.
- B. tự do cư trú.
- C. bất khả xâm phạm về chỗ ở.
- D. được pháp luật bảo hộ.

Câu 2. P mượn sách tham khảo của H đã lâu mà chưa trả. Khi cần dùng sách, H đến tìm nhưng P lại không có nhà. Mẹ P bảo H cứ vào phòng tìm nhưng H bảo để tối P về sẽ quay lại. H đã tôn trọng quyền nào dưới đây của công dân?

- A. Quyền bí mật riêng tư của công dân.
- B. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.

C. Quyền an toàn về tài sản.

D. Quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự.

Câu 3. Bà T dựng xe đạp ngoài cửa hàng để mua thức ăn nhưng quên không mang túi xách vào nên đã bị mất. Nghi ngờ em C đang chơi gần đó lấy trộm, bà T đã chửi bới và cùng con gái xông vào nhà em C để lục soát. Bố mẹ em C cản không được đã tức giận đánh bà T và con gái bà khiến cả hai bị thương tích nhẹ. Những ai dưới đây đã vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân?

A. Em C và bố mẹ C.

B. Bố mẹ C.

C. Bà T và con gái bà T.

D. Bà T, con gái bà T và bố mẹ C.

Câu 4. Nghi ngờ ông A lấy cắp tiền của mình, ông B cùng con trai tự ý vào nhà ông A khám xét. Hành vi này xâm phạm đến quyền nào dưới đây?

A. Quyền được pháp luật bảo hộ về nhân phẩm và danh dự của công dân.

B. Quyền được đảm bảo bí mật đời tư của công dân.

C. Quyền bảo đảm an toàn tài sản của công dân.

D. Quyền bất khả xâm phạm chỗ ở của công dân.

Câu 5. Đang đuổi theo tên cướp giật tài sản vào đến ngõ thì mất dấu, A và B nghi ngờ tên cướp chạy vào nhà ông C nên định vào để tiếp tục tìm bắt nhưng bị ông C ngăn lại. Cho rằng ông C muốn bao che cho tên cướp nên anh A và B đã đe dọa ông C và kiên quyết xông vào. Trong trường hợp trên, những ai đã vi phạm quyền bất khả xâm phạm của công dân?

A. Tên cướp.

B. Tên cướp và ông C.

C. Anh A và anh B.

D. Anh A, anh B và tên cướp.

BÀI 19

Câu 1. Quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín được nêu ở đâu?

A. Điều 21, Hiến pháp năm 2013.

B. Điều 22, Hiến pháp năm 2013.

C. Điều 23, Hiến pháp năm 2013.

D. Điều 24, Hiến pháp năm 2013.

Câu 2. Hành vi nào dưới đây vi phạm quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín?

A. Kiểm tra số lượng thư trước khi gửi.

B. Trả lại thư vì không đúng tên người nhận.

C. Đọc hộ thư cho bạn khiếm thị.

D. Bóc xem các thư bị gửi nhầm.

Câu 3. Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín có nghĩa là

A. bất kì ai vì bất kì lí do gì cũng không có quyền kiểm soát thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.

B. thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật.

C. không ai được phép can thiệp vào thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.

D. không cá nhân, tổ chức nào được phép kiểm soát thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.

Câu 4. Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín thuộc loại quyền về bí mật đời tư của cá nhân, người nào vi phạm có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc

A. kỉ luật.

B. cảnh cáo.

C. truy cứu trách nhiệm dân sự.

D. truy cứu trách nhiệm hình sự.

Câu 5. Anh T đang công tác tại một cơ quan nhà nước. Do phụ trách về mảng công nghệ thông tin, kĩ thuật máy tính, anh T có tạo một tài khoản Zalo trực tiếp trên máy tính cơ quan làm việc. Vào ngày anh T đi tham dự hội thảo bên ngoài, chị C (đồng nghiệp cùng phòng với anh T) đã mở máy tính và vào Zalo đọc tin nhắn riêng của anh T với bạn. Nội dung tin nhắn có nói về những áp lực, bất đồng quan điểm trong công việc, do đó chị C đã chụp lại tin nhắn và báo cáo lãnh đạo.

Hành động của chị T đã xâm phạm đến quyền nào dưới đây của anh T?

A. Quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự và nhân phẩm.

B. Quyền bí mật thông tin cá nhân.

C. Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.

D. Quyền tự do ngôn luận.

B. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Các câu hỏi dưới đây có bao nhiêu nhận định đúng (áp dụng từ câu 1-câu 4)

Câu 1:

Anh V là người tỉnh A đã theo học nghề làm gốm sứ tại làng nghề gốm truyền thống thuộc tỉnh B. Dựa vào kiến thức, kinh nghiệm và biết áp dụng công nghệ vào sản xuất, quảng bá sản phẩm, nắm bắt nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế, anh V đã mở xưởng sản xuất riêng tại tỉnh B, thu hút nhiều lao động của tỉnh B vào làm việc, giúp người dân nơi đây thoát nghèo. Trong quá trình sản xuất, anh V luôn thực hiện tốt các quy định của pháp luật về nộp thuế và bảo vệ môi trường. Nhờ đó công việc kinh doanh của anh V ngày càng phát triển và mang lại thu nhập ổn định. Sự lớn mạnh không ngừng từ xưởng sản xuất gốm do anh V làm chủ đã khiến cho một số xưởng sản xuất khác trên địa bàn gặp khó khăn, một số chủ do không có khả năng cạnh tranh đã phải chuyển đổi nghề nghiệp. Tuy nhiên trong một lần cơ quan chức năng kiểm tra đột xuất đã phát hiện anh V vi phạm quy định về sử dụng lao động nên đã tiến hành xử phạt và yêu cầu anh khắc phục để tiếp tục hoạt động.

a. Anh V được thực hiện quyền bình đẳng của công dân trên lĩnh vực kinh tế.

b. Chấp hành tốt việc nộp thuế và bảo vệ môi trường là bình đẳng về nghĩa vụ .

c. Một số xưởng sản xuất phải chuyển đổi kinh doanh là do anh V cạnh tranh không lành mạnh.

d. Anh B bị xử phạt vì vi phạm sử dụng lao động là bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 2:

Điều 35 Hiến pháp năm 2013: “Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc”. Nền tảng của việc lựa chọn ngành, nghề, việc làm là được đào

tạo, bồi dưỡng các kỹ năng nghề nghiệp, đặc biệt là đối với các ngành, nghề đặc thù có quy định điều kiện về chứng chỉ hành nghề. Các cơ sở dạy nghề, cơ sở giáo dục thực hiện việc tuyển sinh trên cơ sở các điều kiện về năng lực của thí sinh thể hiện qua điểm thi, không phân biệt giới tính của thí sinh ứng tuyển. Qua đó, nam, nữ đều có cơ hội ngang nhau trong việc lựa chọn học tập những ngành nghề, lĩnh vực phù hợp với sở thích, khả năng, năng khiếu của bản thân.

a. Thông tin trên thể hiện nguyên tắc nam, nữ bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo.

b. Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc là bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động.

c. Mọi cơ sở giáo dục đều phải tiếp nhận thí sinh vào học nghề và giải quyết việc làm cho các thí sinh sau ra trường.

d. Công dân được làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm là thể hiện nội dung công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 3:

Kết quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở cho thấy đến nay tại các địa bàn, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống đã có trên 90% số xã, phường, thị trấn đã triển khai, xây dựng thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Những tỉnh thực hiện 100% như Cao Bằng, Hà Giang, Sơn La, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Giang, Yên Bái, Sóc Trăng, Hoà Bình... Trường các thôn, làng, ấp, bản được đồng bào các dân tộc bầu trực tiếp, tin nhiệm xã hội cũng như trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của đội ngũ này khá hơn trước. Nhiều vụ việc khiếu tố được phát hiện và giải quyết tại cơ sở. Từ đó nhiều cơ sở, thôn, làng, ấp, bản đã xây dựng được hương ước quy ước làng văn hóa... Thực hiện quy chế dân chủ tạo ra một bước tiến mới về xây dựng, củng cố cộng đồng dân cư tự quản, giúp đồng bào các dân tộc tích cực, chủ động tham gia quản lý nhà nước và xã hội, từ đó tạo hiệu ứng lan tỏa để thúc đẩy các lĩnh vực kinh tế, văn hóa xã hội phát triển.

a. Việc thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở là góp phần thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc về chính trị.

b. Quá trình trực tiếp bầu các trưởng thôn ấp bản làng của đồng bào dân tộc thể hiện công dân bình đẳng về hưởng quyền.

c. Việc nhiều cơ sở thôn làng, ấp bản đã xây dựng được hương ước quy ước làng văn hóa là kết quả của việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

d. Phát huy tốt quyền bình đẳng giữa các dân tộc thúc đẩy phát triển kinh tế vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 4:

Trên thực tế, đời sống văn hóa, tinh thần của đồng bào các dân tộc trong những năm qua được cải thiện rõ rệt, mức thụ hưởng văn hóa được nâng cao. Nhiều nét văn hóa các dân tộc thiểu số được bảo tồn, phát triển, được công nhận là di sản văn hóa thế giới như: “Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên”, “Thánh địa Mỹ Sơn”, “Cao nguyên đá Đồng Văn”. Đến nay, hơn 90% hộ gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam và trên 80% số hộ được xem truyền hình. Các chương trình phát thanh, truyền hình bằng cả tiếng Việt và 26 thứ tiếng Dân tộc được phát sóng mở rộng tới các bản làng xa xôi.

a. Nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số sẽ hạn chế sự bình đẳng giữa các dân tộc về văn hóa.

b. Di sản văn hóa “ Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên” vừa là sản phẩm văn hóa của đồng bào dân tộc vừa của nhân loại.

c. Phổ biến tiếng dân tộc trên truyền hình là con đường duy nhất để phát triển văn hóa đồng bào dân tộc.

d. Chương trình truyền hình chuyên về tiếng dân tộc là VTV5.

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

C. PHẦN TỰ LUẬN

Ôn tập từ bài 9-bài 19